

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/DS-PT

Ngày: 25/3/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Yên.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyện.

Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ánh Nhi – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim L, sinh năm 1964

Địa chỉ: số B ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Triệu Quốc Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ liên hệ: Số G, tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo hợp đồng uỷ quyền do Văn phòng C ký ngày 26/02/2025, số công chứng 258, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: ấp I, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Võ Vũ L1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp I, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Theo giấy uỷ quyền do Văn phòng C1 ký ngày 13/4/2022, số công chứng 002760, quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD).

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: 6 P, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung án được tóm tắt như sau:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Toà án nguyên đơn bà Trần Kim L và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà Trần Kim L và bà Nguyễn Thị Hồng H có quan hệ mua bán nghệ với nhau. Các bên thoả thuận giao hàng chuyển sau thì thanh toán tiền hàng chuyển trước. Khi mua bán thì các bên không làm hợp đồng chỉ thoả thuận miệng với nhau. Ngày 16/02/2011, bà Trần Kim L bán cho bà Nguyễn Thị Hồng H 17 tấn nghệ lựa ra (nghệ củ đen), giá là 25.000 đồng/kg, tổng số tiền là 425.000.000 đồng. Khi thoả thuận mua bán thì các bên không làm hợp đồng, chỉ ký nhận hàng. Ngày 16/02/2011 bà H ký giấy nhận 17 tấn nghệ lựa ra vào sổ của bà L. Sau khi nhận hàng thì các bên tính tiền bà L ghi nội dung tính tiền vào giấy viết tay ngày 16/02/2011 trong đó có trừ 3.000.000 đồng nên số tiền mua hàng bà H còn nợ lại của bà L là 422.000.000 đồng. Sau khi bán hàng, bà H không thanh toán tiền cho bà L.

Ngày 17/5/2011, bà H nhờ bà L vay giúp số tiền 400.000.000 đồng của bà L2. Bà L là người viết giấy vay tiền của bà L2, khi bà L vay tiền của bà L2 thì có thoả thuận lãi suất 1%/tháng. Ngày 17/5/2011, bà L giao số tiền 400.000.000 đồng lại cho bà H và bà H viết giấy tay xác nhận có nhận nhờ bà L vay của bà L2 400.000.000 đồng. Khi bà L giao tiền cho bà H vay lại các bên thoả thuận lãi suất 1%/tháng và không thoả thuận thời hạn trả nợ. Từ khi vay cho đến nay bà H chưa trả tiền gốc và lãi cho bà L. Việc bà L đứng ra vay tiền của bà L2 giúp cho bà H, bà L đã bị bà L2 khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc và được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 09/2013/QĐST-DS ngày 24/6/2013. Từ năm 2011 đến năm 2013, bà L yêu cầu bà H thanh toán tiền nhiều lần nhưng bà H không trả.

Tổng số tiền bà H còn nợ bà L là 822.000.000 đồng. Bà L đã yêu cầu bà H thanh toán nhiều lần nhưng bà H không thanh toán. Ngày 24/01/2022, bà L gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ cho bà H nhưng bà H vẫn không thanh toán nên bà mới khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay bà yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả 400.000.000 đồng tiền vay và yêu cầu lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 17/5/2011 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bà Trần Kim L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả 422.000.000 đồng tiền mua nghệ và yêu cầu lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 16/02/2011 đến khi giải quyết xong vụ án.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Võ Vũ L1 trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng H không mua bán nghệ với bà Trần Kim L vào ngày 16/02/2011. Cùng một giao dịch ngày 16/02/2011 nhưng nguyên đơn cung cấp 02 tờ giấy có chữ ký và chữ viết nhưng màu mực khác nhau. Nội dung trong các tờ giấy do nguyên đơn cung cấp có 03 loại nghệ khác nhau gồm nghệ củ cái vàng, nghệ đen, nghệ lộn hư và nghệ lựa ra. Đồng thời, giấy nợ ngày 17/5/2011 do bà L cung cấp là giả tạo chữ ký và chữ viết của bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H không đồng ý toàn bộ.

* Tại bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải thanh toán cho bà Trần Kim L 822.000.000 (*T1 trăm hai mươi hai triệu*) đồng tiền gốc và 682.346.000 (*Sáu trăm tám mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn*) đồng tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm trả tiền và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 21/10/2024 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ nhận được đơn kháng cáo của bà Trần Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, đề nghị sửa bản án, yêu cầu tính lãi đối với số tiền 400.000.000đ mà bà Nguyễn Thị Hồng H vay từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Ngày 31/10/2024 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ nhận được đơn kháng cáo của Võ Vũ L1 là người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ cho rằng tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, đề nghị: Làm rõ xác nhận của bà L viết ngày 28/3/2011 và xác nhận ngày 30/3/2011 trên giấy viết tay là nội dung gì? Tại biên bản lấy lời khai đối chất tại TAND huyện Cẩm Mỹ ngày 22/4/2022 người đại diện theo uỷ quyền của bà L khai như sau “Các bên thỏa thuận miệng với nhau là giao hàng chuyển trước thì chuyển sau sẽ thanh toán tiền toàn bộ chuyển hàng trước 17 tấn nghệ này đã được giao ngày 16/02/2011 có nghĩa là chuyển cuối cùng và chưa được bị đơn thanh toán cho đến năm 2022 vậy tại sau lại có giấy xác nhận trên?; Làm rõ nhân chứng Phạm Văn T khai báo trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 07/3/2023 rằng khi giao hàng ngày 15-17/02/2011 gặp bị đơn và con gái ra nhận hàng. Vậy ông T và nguyên đơn giao hàng cho ai? Hàng có thực sự đến tay bà H chưa? Yêu cầu làm rõ nội dung “17000 x 25/425.000.000 –

3.000.000 (trả)/422.000.000” là do ai viết? Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 07/3/2023 bà L khai phần chữ và số là do bà H viết nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024 nội dung viết tay nháp bằng số “17000 x 25/425.000.000 – 3.000.000 (trả)/422.000.000” là do bà L viết; yêu cầu làm rõ 02 giấy viết tay trên là mấy giao dịch; Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/12/2022 bà L khai nội dung trên 02 giấy viết tay là giao dịch. Nhưng tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/4/2024 thì bà L đổi lời khai thành 01 giao dịch; yêu cầu làm rõ giấy viết tay bà L2 thấy bà H viết cho nhau nội dung là gì? Có phải viết giấy tay ngày 17/5/2023 có nội dung bắt đầu là 17/5/2023, nội dung kết thúc là B trăm triệu đồng/Hà/Nguyễn Thị Hồng H hay là 01 giấy khác?

* Ngày 22/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 20/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bị đơn bà H phải có nghĩa vụ trả lãi vay trên số tiền 400.000.000đ kể từ ngày 31/12/2011 đến khi giải quyết xong vụ án, với lãi suất 10%/năm.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- **Về tố tụng:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- **Về đường lối giải quyết vụ án:**

Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 400.000.000 đồng tiền gốc. Nguyên đơn cung cấp giấy viết tay đề ngày 17/5/2011. Bị đơn không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy viết tay đề ngày 17/5/2011 là của bà H. Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét lời khai của các đương sự nhận thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định và kết quả giám định theo kết luận giám định số 4816/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Toàn bộ chữ viết, chữ ký dạng chữ viết “Hà” cần giám định trên tài liệu ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hồng H trên các tài liệu mẫu so sánh ký kiểu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra”, đồng thời theo nội dung giấy viết tay ghi “Nguyễn Thị Hồng H nợ nhờ chị L vay giùm của chị L2 400.000.000đ Bốn trăm triệu đồng” .

Bà Nguyễn Thị L2 cũng cho biết là bà Trần Kim L vay của bà L2 400.000.000 đồng và bà L giao lại 400.000.000 đồng cho bà H có bà L2 chứng kiến. Mặc khác,

trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H luôn khẳng định bà không có ký tên, viết giấy nhận nợ nhưng kết luận giám định chữ ký cho ra kết quả là chữ ký viết, chữ ký do bà H viết ra, cho thấy lời khai của bà H là không trung thực, không có cơ sở để xem xét.

Trên cơ sở giám định chữ ký, Tòa án sơ thẩm xác định bà H có nhờ bà L vay mượn dùm, tự viết giấy nợ với số tiền 400.000.000 đồng và buộc bà H phải trả cho bà L số tiền 400.000.000đ tiền gốc là phù hợp có căn cứ.

Về lãi suất: sau khi cho vay mượn tiền, ngày 24/01/2022, bà L gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ cho bà H, lập vi bằng ghi nhận sự việc đòi nợ, dán thông báo trước cửa nhà bà H. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 08/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm với số tiền 106.667.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp, có căn cứ. ,

Nhận thấy nội dung kháng nghị của VKSND huyện Cẩm Mỹ về việc sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần tiền tính lãi suất buộc bị đơn phải trả từ ngày 31/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp với tình tiết, chứng cứ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, VKSND tỉnh Đồng Nai rút kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS của VKSND huyện Cẩm Mỹ.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Kim L với nội dung yêu cầu tính tiền lãi suất buộc bị đơn phải trả từ ngày 16/02/2011 như đã phân tích trên không phù hợp nên VKSND tỉnh Đồng Nai có quan điểm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đối với kháng cáo của ông Võ Vũ L1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H với nội dung không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã phân tích trên, giấy viết tay đề ngày 16/02/2011 thể hiện nội dung đã nhận 17 tấn nghệ, có chữ ký phía dưới của bà H và giấy vay tiền viết tay đề ngày 17/5/2011 do chính bà H ký nên việc bà H kháng cáo cho rằng bà không có nợ tiền mua nghệ, không nợ tiền vay là không có cơ sở xem xét.

Từ phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX phúc thẩm: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS của VKSND huyện Cẩm Mỹ.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Kim L.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Vũ L1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS – ST ngày 08/10/2024 của TAND huyện Cẩm Mỹ.

Đương sự phải nộp án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim L, anh Võ Vũ L1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng H làm trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật và Quyết định số 20/QĐKNPT-VKS-DS của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Kim L: Cho rằng về phương pháp tính lãi của Tòa cấp sơ thẩm chưa chính xác, thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó đề nghị sửa bản án, yêu cầu tính lãi đối với số tiền 400.000.000đ mà bà Nguyễn Thị Hồng H vay từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm; Đối với kháng cáo của anh Võ Vũ L1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ cho rằng tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, đề nghị làm rõ một số chứng cứ. Xét thấy:

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với hợp đồng vay tài sản nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 400.000.000 đồng tiền gốc. Nguyên đơn cung cấp giấy viết tay đề ngày 17/5/2011. Bị đơn không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy viết tay đề ngày 17/5/2011 là của bà H. Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét lời khai của các đương sự nhận thấy: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định và kết quả giám định theo kết luận giám định số 4816/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Toàn bộ chữ viết, chữ ký dạng chữ viết “Hà” cần giám định trên tài liệu ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hồng H trên các tài liệu mẫu so sánh ký kiểu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra”, đồng thời theo nội dung giấy viết tay ghi “Nguyễn Thị Hồng H nợ nhờ chị L vay giùm của chị L2 400.000.000đ Bốn trăm triệu đồng”. Mặt khác, bà Nguyễn Thị L2 cũng cho biết là bà Trần Kim L vay của bà L2 400.000.000 đồng và bà L giao lại 400.000.000 đồng cho bà H có bà L2 chứng kiến. Do đó, trình bày của nguyên đơn về số tiền 400.000.000 đồng bà L cho bà H vay là có cơ sở, trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Từ đó, đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho bà Trần Kim L 400.000.000 đồng tiền gốc.

Xét yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay 400.000.000 đồng của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 17/5/2011 đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng xác định khi cho vay ngày 17/5/2011 các bên thoả thuận lãi suất 1%/tháng và không thoả thuận thời hạn trả nợ. Nguyên đơn cho rằng đã yêu cầu bị đơn thanh toán nhiều lần nhưng không có tài liệu,

chứng cứ chứng minh yêu cầu bị đơn thanh toán nợ và cũng không chứng minh được các bên có thoả thuận lãi suất là 1%/tháng. Đến ngày 24/01/2022, bà L mới gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ cho bà H, thời hạn thanh toán là 15 ngày, kể từ ngày 24/01/2022 nên bà H chỉ chịu nghĩa vụ chậm thanh toán tính từ ngày 08/02/2022 với mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể: 02 năm 08 tháng x 400.000.000 đồng x 10%/năm = 106.667.000 đồng.

[3.2] Đối với hợp đồng mua bán tài sản nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 422.000.000 đồng tiền bị đơn mua của nguyên đơn 17 tấn nghệ lựa ra. Nguyên đơn cung cấp 02 giấy viết tay đề ngày 16/02/2011. Bị đơn không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy viết tay đề ngày 16/02/2011 là của bà H. Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bị đơn còn cho rằng nguyên đơn trong cùng một ngày nhưng nguyên đơn cung cấp 02 giấy viết tay nội dung giống nhau nhưng màu mực khác nhau là bất nhất, loại nghệ nguyên đơn cung cấp cũng lúc này lúc khác, lúc thì nghệ củ cái vàng lúc thì nghệ củ đen và trong giấy tay lập ngày 16/02/2011 là nghệ lựa ra. Xét lời khai của các đương sự nhận thấy: Kết luận giám định số 4816/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh thì chữ viết và chữ ký trong giấy viết tay đề ngày 16/02/2011 là do bà H viết và ký tên. Theo 02 giấy viết tay ngày 16/02/2011 thì nguyên đơn xác định giấy viết tay có nội dung “tôi tên Nguyễn Thị Hồng H có nhận của chị L 17 tấn nghệ lựa ra” là giấy xác nhận của bà H, còn giấy viết tay cùng ngày 16/02/2011 là do bà H viết sai nên bà L đề nghị viết lại. Do đó, đủ cơ sở kết luận bà H nhận của bà L 17 tấn nghệ lựa ra. Xét ý kiến của các đương sự về loại tài sản nhận thấy: Nguyên đơn xác định bán cho bị đơn là nghệ củ đen và đơn giá là 25.000 đồng/kg. Bị đơn không thừa nhận và cho rằng “nghệ chị lựa ra” là nghệ gì và “nghệ lộp hủ” theo như các giấy viết tay là nghệ gì nên không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn. Do nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận cụ thể về giá tài sản nhưng tại giấy viết tay ngày 16/02/2011 có ghi nội dung “17000x25/42500000-3000000(trả)/422000000” theo nguyên đơn trình bày là tính tiền của số nghệ 17 tấn nghệ lựa ra mà bị đơn đã nhận vào ngày 16/02/2011 theo nội dung này thì giá nghệ là 25.000 đồng/kg. Đồng thời, nguyên đơn cũng cung cấp các hoá đơn giá trị gia tăng từ tháng 10/2010 đến tháng 3/2011, nguyên đơn đã bán nghệ cho các công ty TNHH A; công ty TNHH T2, công ty TNHH S thì giá nghệ cao hơn giá nghệ nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 25.000 đồng. Từ đó, căn cứ khoản 2 Điều 433 Bộ Luật Dân sự nhận thấy giá nghệ là 25.000 đồng/kg là phù hợp với thời điểm các bên giao kết hợp đồng là ngày 16/02/2011.

Xét thời điểm thanh toán tiền nhận thấy: các đương sự không thoả thuận cụ thể thời hạn thanh toán tiền nên căn cứ khoản 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự thời điểm thanh toán tiền là thời điểm bên mua nhận tài sản như vậy theo giấy viết tay đề ngày

16/02/2011 thì thời điểm giao hàng là ngày 16/02/2011 nên thời điểm thanh toán là ngày 16/02/2011. Do đó, từ ngày 17/02/2011 bị đơn đã chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Từ các nhận định trên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho bà Trần Kim L 422.000.000 đồng tiền mua 17 tấn nghệ và phải chịu lãi suất chậm trả từ ngày 17/02/2011 cho đến khi xét xử cụ thể: 422.000.000 đồng x 10%/năm x 13 năm 07 tháng 21 ngày = 575.3679.000 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu chồng của bà H phải liên đới trả nợ và bị đơn không có ý kiến nên chỉ buộc bà H thanh toán tiền cho bà L.

Như vậy cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu như đã nêu trên để buộc bị đơn trả số tiền nợ vay và mua bán đối với số tiền gốc và lãi là đúng quy định của pháp luật.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 822.000.000 đồng tiền gốc và 682.346.000 đồng tiền lãi.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn không có cung cấp chứng cứ nào mới. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút toàn bộ Quyết định số 20/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 22/10/2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ Luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với Quyết định số 20/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 22/10/2024 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp chi phí trưng cầu giám định là 5.000.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí trưng cầu giám định là 2.500.000 đồng; bị đơn phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí trưng cầu giám định là 2.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp 5.000.000 đồng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 2.500.000 đồng chi phí trưng cầu giám định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà L và bị đơn bà H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim L và bà Nguyễn Thị Hồng H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 67/2020/DS-ST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định số 20/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 22/10/2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm số: 67/2024/DSST ngày 08/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 433, 440, 468, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải thanh toán cho bà Trần Kim L 822.000.000 (*T1 trăm hai mươi hai triệu*) đồng tiền gốc và 682.346.000 (*Sáu trăm tám mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn*) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải thanh toán cho bà Trần Kim L 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm ngàn*) đồng chi phí trưng cầu giám định.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Kim L 31.935.000 (*Ba mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001029 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 57.130.000 (*Năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Kim L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0012651 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án huyện Cẩm Mỹ. Bà L đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0012652 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án huyện Cẩm Mỹ. Bà H đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên